

Số: /2021/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng và Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết về xác lập quyền, đại diện quyền đối với giống cây trồng; cấp, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng; đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Đại diện theo uỷ quyền của chủ đơn tiến hành các thủ tục về bảo hộ giống cây trồng theo quy định pháp luật về uỷ quyền; giấy uỷ quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính trong Thông tư này

1. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính: Tùy theo điều kiện tiếp nhận/ trả kết quả của Cục Trồng trọt, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử (cơ chế một cửa quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm điện tử, email, fax):

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có đóng dấu của cơ sở đối với văn bản do cơ sở ban hành;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính. Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời gian trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp nộp trực tiếp: Cục Trồng trọt kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho tổ chức, cá nhân;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 08 giờ làm việc, kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

4. Cách thức nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí theo quy định hiện hành trực tiếp tại Cục Trồng trọt hoặc qua dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Cách thức trả kết quả: Cục Trồng trọt trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

6. Trong Thông tư này có nội dung thủ tục hành chính quy định khác với quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này thì thực hiện theo quy định đó.

7. Trường hợp các tài liệu trong hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 174 Luật sở hữu trí tuệ phải dịch ra tiếng Việt, bản dịch được công chứng hoặc có xác nhận của người đăng ký.

8. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ đã nộp.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Giống cây trồng được biết đến rộng rãi và tính mới của giống cây trồng

1. Giống cây trồng được biết đến rộng rãi là giống cây trồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Giống cây trồng mà vật liệu nhân giống hoặc vật liệu thu hoạch của giống đó được sử dụng một cách rộng rãi trên thị trường Việt Nam hoặc ở bất kỳ quốc gia nào tại thời điểm nộp đơn đăng ký bảo hộ;

b) Giống cây trồng được bảo hộ hoặc được công nhận lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách, tự công bố lưu hành, công nhận sản xuất thử, công nhận chính thức tại Việt Nam hoặc thuộc danh mục giống được phép sản xuất kinh doanh ở bất kỳ quốc gia nào;

c) Giống cây trồng là đối tượng trong đơn đăng ký nhằm mục đích: bảo hộ giống cây trồng; công nhận lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách; danh mục giống ở bất kỳ quốc gia nào, nếu các đơn này không bị từ chối.

2. Tính mới đối với giống cây trồng

Giống cây trồng được coi là không còn tính mới sau mười hai (12) tháng kể từ ngày được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Giống được phép sản xuất, kinh doanh gồm: giống đã được công nhận chính thức; giống có tên trong danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; giống được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách; giống tự công bố lưu hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Biểu mẫu về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Phí, lệ phí bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Phí, lệ phí về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 207/2016/TT-BTC).

2. Thời hạn nộp phí duy trì hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16/08/2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng (sau đây viết tắt là Nghị định số 88/2010/NĐ-CP).

3. Trường hợp Thông tư số 207/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo văn bản mới được ban hành.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Nhận đơn, chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng

1. Đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng gồm các tài liệu:

a) Tờ khai đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (khảo nghiệm DUS)

- Trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng đã có tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV: sử dụng Mẫu tờ khai kỹ thuật trong các tài liệu trên;

- Trường hợp giống đăng ký không thuộc loài cây trồng đã có tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV: sử dụng theo Mẫu tờ khai kỹ thuật tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy uỷ quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện);

d) Ảnh chụp mẫu giống: Tối thiểu 03 ảnh màu, kích cỡ tối thiểu 9cm x 15cm thể hiện 3 tính trạng đặc trưng của giống đăng ký;

đ) Tài liệu chứng minh quyền đăng ký (hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng, tài liệu chứng minh người đăng ký là đại diện hợp pháp của chủ sở hữu giống đăng ký);

e) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu đơn có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên;

g) Chứng từ nộp phí, lệ phí.

2. Ngày nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng là ngày đơn được Cục Trồng trọt tiếp nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thông báo chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trước khi Cục Trồng trọt ra quyết định cấp bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc thông báo từ chối cấp bằng bảo hộ giống cây trồng, người đăng ký có quyền chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng cho người khác. Người được chuyển nhượng gửi Hợp đồng chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng về Cục Trồng trọt.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng

1. Trước thời điểm cấp bằng bảo hộ giống cây trồng, tổ chức, cá nhân được sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ trong các trường hợp sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn nhưng không làm thay đổi bản chất đơn đăng ký bảo hộ: lỗi chính tả về tên, địa chỉ của người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả và tên giống cây trồng;

b) Thay đổi tên, địa chỉ của người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng có căn cứ pháp lý;

c) Thay đổi tên, địa chỉ người đăng ký theo yêu cầu của chủ sở hữu (trường hợp nộp đơn qua đại diện); thay đổi tên, địa chỉ chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng do chuyển nhượng đơn theo hợp đồng hoặc thừa kế, kế thừa.

2. Hồ sơ:

a) Tờ khai yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn theo Mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển nhượng (trường hợp chuyển nhượng đơn đăng ký); hoặc căn cứ pháp lý chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng;

c) Tài liệu chứng minh việc thừa kế, kế thừa (có xác nhận của chủ sở hữu đăng ký), Tài liệu chứng minh quyền nhân thân giữa chủ sở hữu đăng ký và người nhận thừa kế; Giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử của chủ sở hữu đăng ký (nếu có);

d) Giấy uỷ quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp thay đổi đại diện.